

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 6 – 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn.

2. Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2024/TLST - HNGĐ ngày 12/4/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp Cái Nước B, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Công N, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lê Thị H và anh Phan Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 09 năm 2023, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã với nhau từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị H và anh H1 đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung, chị Lê Thị H và anh Phan Văn H1 chung sống với nhau có 01 người con chung là Phan Hải Đăng, sinh ngày 10/4/2000. Hiện con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, chị H không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung, chị Lê Thị H khai chị và anh Phan Văn H1 đã tự thỏa thuận phân chia với nhau xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Lê Thị H khai không có.

Đối với anh Phan Văn H1 (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, chị Lê Thị H và anh Phan Văn H1 chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do anh H1 không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận.

Cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, chị H xác định không còn tình cảm với anh H1. Trường hợp Tòa án giải quyết không cho ly hôn, chị cũng không quay trở về chung sống với anh H1, hiện anh chị không chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Do đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh H1 với chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung là Phan Hải Đăng, sinh ngày 10/4/2000. Hiện con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, chị Lê Thị H không đặt ra yêu cầu gì về con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, chị Lê Thị H khai chị và anh Phan Văn H1 đã tự thỏa thuận phân chia với nhau xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, chị Lê Thị H khai không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị Lê Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H về việc xin ly hôn anh Phan Văn H1.
- Về con chung là Phan Hải Đăng, sinh ngày 10/4/2000. Hiện con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được. Khi ly hôn, chị Lê Thị H không đặt ra yêu cầu gì về con nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung, chị Lê Thị H khai chị và anh Phan Văn H1 tự thỏa thuận phân chia với nhau xong, nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung, chị Lê Thị H khai không có, nên không đặt ra xem xét.
- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 10/4/2024, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003407 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Tân H,
- H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân